

### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |                  |
|---|--|------------------|
| <b>1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:</b>  |  |                  |
| <p>1.1. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau:</p> <p>(a) Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, lán trại;</p> <p>(b) Bố trí rào chắn, biển báo công trường thi công;</p> <p>(c) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.</p> <p>(d) Tổ chức bảo vệ, an toàn giao thông trong quá trình thi công.</p>  | <p>- Có giải pháp kỹ thuật (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công) theo yêu cầu, hợp lý và phù hợp với vị trí địa lý, địa hình của công trình, khả thi việc kết nối công trường và giao thông khu vực thể hiện bằng sơ họa mặt bằng.</p> <p>- Nhà thầu bố trí kho bãi tập kết thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, lán trại,... đảm bảo công tác thi công.</p> <p>- Nhà thầu có giải pháp bố trí rào chắn, biển báo,.. kỹ lưỡng trong quá trình thi công.</p>   | <b>Đạt</b>       |
| <p>1.2. Biện pháp thi công công tác chuẩn bị khởi công</p>  | <p>- Công tác chuẩn bị mặt bằng phục vụ thi công bám sát thực tế gói thầu bao gồm công tác nhận mặt bằng, khảo sát hiện trạng mặt bằng công trình - trắc đạc cao độ, tọa độ, vị trí nền cote, bãi đổ thải.</p>   | <b>Đạt</b>       |
| <p>1.3. Biện pháp thi công:</p> <p>- Trình tự biện pháp các bước thi công tổng thể hạng mục và biện pháp kỹ thuật thi công các công tác trong từng hạng mục theo yêu cầu trong hồ sơ thiết kế được phê duyệt, phù hợp với tiến độ thi công, bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau:</p> <p>+ Công tác phá dỡ, tháo dỡ;</p> <p>+ Công tác nạo vét bùn;</p> <p>+ Công tác thi công cốt thép, ván khuôn;</p> <p>+ Công tác thi công đổ bê tông;</p> <p>+ Công tác thi công chống thấm;</p> <p>+ Công tác thi công hệ thống điện;</p> <p>+ Công tác thi công lắp đặt thiết bị công nghệ bao gồm: máy bơm</p> | <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ yêu cầu nêu trên.</p> <p>- Có đề xuất Biện pháp thi công chi tiết đầy đủ bám sát thực tế, phù hợp thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, tiến độ thi công và hiện trạng công trình đang hoạt động.</p> <p>- Có đầy đủ bản vẽ mô tả biện pháp kỹ thuật thi công hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật.</p> <p><i>Ghi chú: Biện pháp thi công các công tác xây dựng của nhà thầu chỉ được xem xét khi nhà thầu trình bày đầy đủ trình tự từ các công việc từ đầu vào đến quá trình thi công và cuối cùng là kiểm tra, nghiệm thu. Trường hợp nhà thầu sao chép bản vẽ thiết kế mà không phải là bản vẽ thể hiện biện pháp thi công của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là không nắm được yêu cầu E-HSMT và bản vẽ đó sẽ không được xem xét. Ngoài ra, nhà thầu đính kèm</i></p> | <b>Không đạt</b> |

|  |   |                         |
|--|---|-------------------------|
| <p>nước thải, máy bơm tuần hoàn và bơm bùn dư, giỏ tách rác, quạt hút mùi, đĩa phân phối khí, máy khuấy chìm, máy thổi khí, đồng hồ đo lưu lượng, tủ điện hệ thống XLNT.<br/>+ Biện pháp dọn dẹp vệ sinh, hoàn thiện trước khi bàn giao.</p> | <p><i>hình ảnh mô tả nhưng không phù hợp với gói thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.</i></p>  |                         |
| <p>1.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ.</p>  | <p>Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp với gói thầu.</p>   | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p>1.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ.</p>  | <p>Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ theo yêu cầu và hợp lý</p>   | <p><b>Đạt</b></p>       |
| <p>1.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ.</p>  | <p>Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ hoặc có nhưng không hợp lý.</p>  | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p>1.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ.</p>  | <p>Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.</p>  | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p><b>2. Biện pháp đảm bảo chất lượng</b></p>  |   |                         |
| <p>2.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng của vật liệu – thiết bị để phục vụ công tác thi công, bao gồm các nội dung sau:</p>   | <p>Có nêu đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.</p>  | <p><b>Đạt</b></p>       |
| <p>a. Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, thiết bị và máy móc thiết bị thi công.<br/>b. Giải pháp xử lý vật tư, thiết bị không phù hợp với yêu cầu của gói thầu;</p>   | <p>Không đáp ứng yêu cầu nêu bên.</p>   | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p>2.2. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão.</p>   | <p>Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p>  | <p><b>Đạt</b></p>       |
| <p>2.2. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão.</p>   | <p>Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p>2.3. Sửa chữa hư hỏng</p>   | <p>Có biện pháp rõ ràng, hợp lý.</p>  | <p><b>Đạt</b></p>       |
| <p>2.3. Sửa chữa hư hỏng</p>   | <p>Nêu sơ sài, chiếu lệ hoặc không nêu hoặc Không đáp ứng yêu cầu như trên.</p>   | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p>2.4. Hệ thống quản lý chất lượng</p>  | <p>- Lập sơ đồ Hệ thống quản lý chất lượng chung cho gói thầu; Có thuyết minh đầy đủ lập, quản lý hồ sơ công trình: Hồ sơ nghiệm thu; Nhật ký thi công; Bản vẽ hoàn công; Hồ sơ thanh quyết toán.</p>   | <p><b>Đạt</b></p>       |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không lập sơ đồ Hệ thống quản lý chất lượng chung cho gói thầu;</li> <li>- Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ quy trình lập, quản lý hồ sơ công trình: Hồ sơ nghiệm thu; Nhật ký thi công; Bản vẽ hoàn công; Hồ sơ thanh quyết toán.</li> </ul> | <b>Không đạt</b> |
| <b>3. Tiến độ thi công</b>   |  |                  |
| 3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công tối đa 60 ngày (kể cả ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật, có tính đến điều kiện thời tiết) theo yêu cầu của E-HSMT.  | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá số ngày yêu cầu.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá số ngày yêu cầu.  | <b>Không đạt</b> |
| 3.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.<br>b) Giữa bố trí máy móc thi công và tiến độ thi công.<br>c) Giữa huy động, bố trí vật tư và tiến độ thi công.   | Đề xuất đầy đủ biểu đồ, hợp lý, khả thi phù hợp với tiến độ thi công cho cả 3 nội dung a, b, c.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên hoặc toàn bộ các nội dung nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |
| 3.3. Biểu tiến độ thi công   | Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Bố trí nhân sự thực hiện đúng, đủ theo khối lượng công việc thực hiện, bố trí công nhân tham gia thi công đúng tiến độ, biểu đồ nhân lực phù hợp thuyết minh.                                    | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |
| 3.4. Cam kết tiến độ thi công.   | Nhà thầu phải có cam kết thi công theo đúng tiến độ mà nhà thầu đề xuất. Trường hợp chậm tiến độ, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng, phạt hợp đồng và xử lý theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bất khả kháng).  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có cam kết nội dung trên.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>4. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:</b>  |  |                  |
| 4.1. Biện pháp an toàn lao động bao gồm:<br>- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động;<br>- Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công;<br>- An toàn giao thông ra vào công trường;<br>- Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; | Có biện an toàn lao động hợp lý, rõ ràng, phù hợp với đặc thù công trình thi công trong điều kiện công trình đang hoạt động.   | <b>Đạt</b>       |
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có Biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không rõ ràng.</li> <li>- Không có cam kết yêu cầu về bảo hiểm theo mục E-ĐKC 19.1, Chương VII của E-HSMT.</li> </ul>  | <b>Không đạt</b> |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| <p>- Quản lý an toàn cho công trình thi công trong điều kiện công trình đang hoạt động.</p> <p>- Có cam kết yêu cầu về bảo hiểm theo mục E-ĐKC 19.1, Chương VII của E-HSMT</p>   |  |                  |
| <p>4.2 Biện pháp phòng cháy, chữa cháy bao gồm:</p> <p>- Quy định, quy phạm, tiêu chuẩn;</p> <p>- Lập các giải pháp phòng chống cháy quy định cho suốt quá trình xây dựng, đảm bảo khả năng thoát nạn an toàn và cứu người, cũng như bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy trong công trình đang xây dựng và trên công trường;</p>                                      | <p>Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, rõ ràng.</p>   | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không rõ ràng.</p>   | <b>Không đạt</b> |
| <p>4.3 Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường bao gồm:</p> <p>a. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói rung, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hoá chất, kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường.</p> | <p>Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, trình bày đầy đủ các nội dung a) và b) theo yêu cầu.</p>   | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không trình bày hoặc trình bày thiếu các nội dung nêu tại mục a) và b).</p>  | <b>Không đạt</b> |
| <b>5. Bảo hành, bảo trì</b>  |  |                  |
| <p>5.1. Thời gian bảo hành, bảo trì</p>  | <p>- Đối với xây lắp: Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.</p> <p>- Đối với hàng hóa, thiết bị cung cấp: Theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp, nhưng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.</p> <p>- Có cam kết vận hành hệ thống đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K =1.</p> | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu.</p>   | <b>Không đạt</b> |
| <p>5.2. Có cam kết khắc phục các sự cố, hư hỏng công trình</p>   | <p>Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu</p>   | <b>Đạt</b>       |

|   |   |                         |
|---|---|-------------------------|
| <p>trong thời gian bảo hành chậm nhất 24 giờ kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp bất khả kháng.</p>  | <p>Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu</p>   | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p><b>6. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</b></p>   |   |                         |
| <p>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện từ ngày 01/01/2022 trở lại đây: Nhà thầu vi phạm về đấu thầu theo quy định của pháp luật thì được đánh giá là không đạt ở mục này.</p> | <p>Nhà thầu có bản cam kết các nội dung sau, từ ngày 01/01/2022 trở lại đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không bị kết luận:</li> <li>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</li> <li>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này;</li> <li>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;</li> <li>d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng.</li> <li>đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</li> <li>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</li> <li>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</li> <li>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng</li> </ul> | <p><b>Đạt</b></p>       |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
|   | <p>không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn;</p> <p>i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.</p> <p>e) Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (không vi phạm từ 02 lần trở lên) gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiến độ thực hiện hợp đồng: Không vi phạm tiến độ hợp đồng dẫn đến nhà thầu không hoàn thành, hoặc chấm dứt hợp đồng;</li> <li>+ Không vi phạm: Chất lượng dịch vụ (bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng);</li> <li>+ Không vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng).</li> <li>- Nhà thầu không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật.</li> </ul>  |                  |
|   | Không đáp ứng nội dung trên.  | <b>Không đạt</b> |
| <b>7. Các yếu tố cần thiết khác</b>   |   |                  |
| <p>7.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị chính tại Bảng số 1. Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình, Chương V của E-HSMT.</p> <p>Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính yêu cầu phải kê khai thực hiện theo Bảng số 02.</p> <p>Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị chào thầu, Chương V, E-HSMT.</p> | <p>- Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật (như catalogue/datasheet/hướng dẫn sử dụng, xác nhận của hãng sản xuất/nhà phân phối tại Việt Nam hoặc các tài liệu tương tự) đối với các vật tư, vật liệu đánh dấu (*). Các tài liệu nhà thầu cung cấp phải đáp ứng hoặc đáp ứng tốt hơn (trường hợp đáp ứng tốt hơn nhà thầu có bảng so sánh đánh giá) thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT. Đối với tài liệu có ngôn ngữ khác với tiếng Việt phải kèm theo bản dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của đơn vị dịch thuật độc lập) và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch. Trường hợp E-HSMT thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). (Không yêu cầu thông tin về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa đối với các phụ kiện lắp đặt).</p> <p>- Nêu rõ tiêu chuẩn kỹ thuật, hãng sản xuất, nguồn gốc/xuất xứ của từng loại vật tư áp dụng cho công trình (nhà thầu không được viết nội dung dạng chung, tổng quát như: "theo yêu cầu thiết kế", "theo tiêu chuẩn hiện hành"... ) nêu tại Bảng số 1: Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình Chương V của E-HSMT.</p> | <b>Đạt</b>       |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu có bản cam kết tất cả các loại vật liệu cung cấp trong gói thầu có nguồn gốc hợp pháp.</li> <li>- Nhà thầu đề xuất xuất xứ (nếu có) phù hợp với yêu cầu.</li> <li>- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể và duy nhất một ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.</li> </ul>   |                  |
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu chào nhiều hơn một ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ của các vật tư, thiết bị có đánh dấu (*) tại Bảng số 1. Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình, Chương V của E-HSMT.</li> <li>- Các vật tư, thiết bị có đánh dấu (*) có thông số không đáp ứng các yêu cầu nêu tại Bảng số 1. Danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chính dùng thi công công trình Chương V của E-HSMT.</li> <li>- Không cung cấp tài liệu kỹ thuật (như catalogue/datasheet/hướng dẫn sử dụng, xác nhận của hãng sản xuất/nhà phân phối tại Việt Nam hoặc các tài liệu tương tự) đối với các vật tư, vật liệu đánh dấu (*).</li> <li>- Không đáp ứng các tiêu chí Đạt của yêu cầu nêu trên.</li> </ul>                        | <b>Không đạt</b> |
| 7.2 Các yêu cầu về cam kết cho gói thầu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu có cam kết bồi thường các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh nếu bị hư hỏng trong quá trình thi công và phục hồi đất đai, môi trường sau khi xây dựng xong công trình.</li> <li>- Nhà thầu có cam kết bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư và các bên thứ ba nếu chậm trễ tiến độ hợp đồng do lỗi của nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu có bản cam kết tại thời điểm ký kết hợp đồng nếu nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính, vật tư thiết bị, tiến độ thi công khi thi công và các nội dung liên quan khác theo yêu cầu của E-HSMT để thực hiện gói thầu.</li> <li>- Nhà thầu có bản cam kết mua bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ người lao động trên công trường.</li> </ul> | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ hoặc không đảm bảo các nội dung yêu cầu nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |

|                 |   |                  |
|-----------------|---|------------------|
| <b>Kết luận</b> | <b>Đạt tất cả các nội dung trên</b>           | <b>Đạt</b>       |
|                 | <b>Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên</b> | <b>Không đạt</b> |